

Số: 86/TTQT-ĐT

Tp.HCM, ngày 03 tháng 7 năm 2020

**THÔNG BÁO**  
**KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NƯỚC**  
**PHỤC VỤ VÙNG NUÔI TÔM NƯỚC LỢ XUẤT KHẨU Ở ĐBSCL -NGÀY 29-30/6/2020**

**I. Kết quả phân tích mẫu quan trắc chất lượng nước trên kênh cấp phục vụ vùng nuôi tôm nước lợ xuất khẩu:**

STT	Điểm Quan Trắc	Tỉnh	Huyện	Tọa độ	Nhiệt độ (°C)	pH	DO (mg/l)	Độ mặn (‰)	Độ kiềm (mg/l)	N-NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> (mg/l)	N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (mg/l)	P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> (mg/l)	S <sub>2</sub> <sup>-</sup> (mg/l)	TSS (mg/l)	COD (mg/l)	Vibrio tổng số (CFU/ml)	Vibrio parahaemolyticus tổng số (CFU/ml)	Coliform (MPN/ml)
Giới hạn cho phép theo QCVN 02-19:2014/BNNPTNT					18-33	7-9	>3,5	5-35	60-180	0,05(*)	0,3(*)	0,1(*)	0,05	20(*)	---	---	---	---
QCVN 08-MT:2015/BTNMT (*) (Cột A1- Mục đích bảo vệ đời sống thủy sinh)																		
1	Gành Hào - Đông Hải	Bạc Liêu	Đông Hải	9°02'03.1" N 105°25'14.7" E	29,0	8,2	3,5	31,0	96,5	0,030	0,227	0,030	0,010	138,0	3,9	2100	40	46
2	Sông Bạc Liêu - Trà Kha	Bạc Liêu	TP.Bạc Liêu	9°17'41.7" N 105°42'18" E	30,0	7,3	2,0	7,0	90,5	0,091	2,520	0,084	KPH	109,3	15,6	3900	30	110
3	Kênh Trường Sơn	Bạc Liêu	TP.Bạc Liêu	9°10'05.7" N 105°35'03" E	29,0	7,9	2,5	31,0	114,4	0,029	0,316	0,030	KPH	1250,0	16,7	2960	KPH	110
4	Kênh Số 3-Vĩnh Thịnh	Bạc Liêu	Hoà Bình	9°10'05.7" N 105°37'59" E	29,0	8,2	3,0	31,0	105,5	0,015	0,027	0,026	0,016	531,2	9,3	1340	10	460
5	Kênh Mương 7 - Vĩnh Thịnh	Bạc Liêu	Hoà Bình	9°09'13.7" N 105°36'11" E	30,0	8,2	2,5	31,0	104,5	0,044	0,203	0,021	0,013	288,7	8,4	700	KPH	240
6	Kênh 700 Tân Nam - Vĩnh Tân	Sóc Trăng	Vĩnh Châu	9°17'23.4"N 105°56'40"E	30,0	8,2	4,9	27,0	146,3	1,122	1,205	0,344	KPH	39,3	22,2	3000	KPH	110
7	Cầu Cà Lăm	Sóc Trăng	Mỹ Xuyên	9°24'14.8"N, 105°48'19"E	29,1	7,2	1,6	5,0	67,7	0,080	0,844	0,027	KPH	60,0	11,3	20	KPH	110

STT	Điểm Quan Trắc	Tỉnh	Huyện	Tọa độ	Nhiệt độ (°C)	pH	DO (mg/l)	Độ mặn (‰)	Độ kiềm (mg/l)	N-NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> (mg/l)	N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (mg/l)	P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> (mg/l)	S <sub>2</sub> <sup>-</sup> (mg/l)	TSS (mg/l)	COD (mg/l)	Vibrio tổng số (CFU/ml)	Vibrio parahaemolyticus tổng số (CFU/ml)	Coliform (MPN/ml)
<b>Giới hạn cho phép theo QCVN 02-19:2014/BNNPTNT</b>					<b>18-33</b>	<b>7-9</b>	<b>&gt;3,5</b>	<b>5-35</b>	<b>60-180</b>	<b>0,05(*)</b>	<b>0,3(*)</b>	<b>0,1(*)</b>	<b>0,05</b>	<b>20(*)</b>	---	---	---	---
<b>QCVN 08-MT:2015/BTNMT (*) (Cột A1- Mục đích bảo vệ đời sống thủy sinh)</b>																		
8	Cầu Chữ U	Sóc Trăng	Trần Đề	9°24'40.3"N 106° 8'48"E	29,0	7,0	2,6	9,0	103,5	0,056	0,114	0,058	KPH	12,0	4,2	240	80	4
9	Bến Phà Đại Ân 1	Sóc Trăng	Cù Lao Dung	9°37'41.3"N 106° 8'20"E	29,0	6,8	3,4	1,0	63,7	0,015	0,040	0,035	KPH	136,7	5,8	100	KPH	110
10	Sông Cái Đồi Vàm	Cà Mau	Phú Tân	8°52'18.4"N 104°48'47"E	30,0	7,6	4,0	25,0	120,4	0,100	0,812	0,079	0,014	13,0	9,8	1840	60	3
11	Sông Đường chéo	Cà Mau	Ngọc Hiển	8°39'12.6"N 105°5'26"E	29,0	7,8	3,0	28,0	129,4	0,124	0,591	0,088	KPH	41,0	10,6	470	30	3
12	Kênh sáng Độ Cường	Cà Mau	Đầm Dơi	9°6'4.4"N 105°9'35.0"E	28,0	7,0	2,5	24,0	132,3	0,187	1,483	0,251	KPH	228,0	12,2	2600	90	110
13	Sông Thị Tường	Cà Mau	Cái Nước	8°59'59.7"N 104°59'50"E	30,5	7,9	3,0	25,0	124,4	0,071	0,575	0,065	KPH	30,5	10,1	2020	10	110
14	Kênh Sáng Tân Hưng	Cà Mau	Cái Nước	9°2'20.3"N 105°5'13"E	28,5	7,6	3,5	26,0	125,4	0,070	0,581	0,064	KPH	37,0	10,3	1480	20	46
15	Vũng Luông	Bến Tre	Bình Đại	10°06'36"N 106°07'14"E	30,5	7,8	5,5	13,0	76,6	0,068	0,283	0,036	KPH	20,0	3,5	2340	170	1100
16	Rạch Đường Tắc	Bến Tre	Ba Tri	10°02'37"N 106°05'20"E	30,0	7,8	5,0	13,0	80,6	0,077	0,031	0,029	KPH	86,0	3,5	400	KPH	46
17	Rạch Cầu Ván	Bến Tre	Thạnh Phú	9°08'04"N 106°06'12"E	30,5	7,3	4,5	9,0	69,7	0,018	0,045	0,035	KPH	28,5	3,2	170	30	460

## II. Đánh giá chất lượng nước theo chỉ tiêu hóa lý và vi sinh

STT	ĐIỂM QUAN TRẮC	CHỈ TIÊU VƯỢT NGƯỠNG	WQI	CHẤT LƯỢNG NƯỚC	KHUYẾN CÁO
1	Gành Hào - Đông Hải	DO thấp TSS, <i>Vibrio</i> tổng cao <i>Vibrio parahaemolyticus</i> : 40CFU/mL	95	Rất tốt	- DO thấp, chất rắn lơ lửng cao không sử dụng nước trực tiếp cho nuôi trồng thủy sản. - Cần diệt khuẩn để loại trừ mầm bệnh
2	Sông Bạc Liêu - Trà Kha	DO thấp N-NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> , N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , TSS, <i>Vibrio</i> tổng cao <i>Vibrio parahaemolyticus</i> : 30CFU/mL	68	Trung bình	- DO thấp không thích hợp cho động vật thủy sinh phát triển. - Ô nhiễm hữu cơ không sử dụng nước trực tiếp cho nuôi trồng thủy sản. - Cần diệt khuẩn để loại trừ mầm bệnh
3	Kênh Trường Sơn	DO thấp N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , TSS, <i>Vibrio</i> tổng cao	87	Tốt	- DO thấp không thích hợp cho động vật thủy sinh phát triển. - Ô nhiễm hữu cơ, chất rắn lơ lửng cao không sử dụng nước trực tiếp cho nuôi trồng thủy sản. - Cần diệt khuẩn để loại trừ mầm bệnh
4	Kênh Số 3-Vĩnh Thịnh	DO thấp, TSS và <i>Vibrio</i> tổng cao <i>Vibrio parahaemolyticus</i> : 10CFU/mL	94	Rất tốt	- DO thấp không thích hợp cho động vật thủy sinh phát triển.
5	Kênh Mương 7 - Vĩnh Thịnh	DO thấp TSS cao	93	Rất tốt	- DO thấp không thích hợp cho động vật thủy sinh phát triển.
6	Kênh 700 Tân Nam - Vĩnh Tân	N-NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> , N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> , COD, <i>Vibrio</i> tổng cao	64	Trung bình	- Ô nhiễm hữu cơ, không sử dụng nước trực tiếp cho nuôi trồng thủy sản. - Mật độ vi khuẩn cao đã giảm so với kỳ quan trắc trước, cần diệt khuẩn để loại trừ mầm bệnh
7	Cầu Cà Lăm	DO thấp N-NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> , N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> cao	72	Trung bình	- DO thấp không thích hợp cho động vật thủy sinh phát triển. - Ô nhiễm hữu cơ, không sử dụng nước trực tiếp cho nuôi trồng thủy sản.
8	Cầu Chữ U	DO thấp <i>Vibrio parahaemolyticus</i> : 80CFU/mL	83	Tốt	- Cần diệt khuẩn để loại trừ mầm bệnh
9	Bến Phà Đại Ân 1	DO, độ mặn thấp	94	Rất tốt	- Độ mặn thấp không thích hợp cho tôm nuôi nước lợ phát triển.
10	Sông Cái Đôi Vàm	N-NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> , N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , <i>Vibrio</i> tổng cao <i>Vibrio parahaemolyticus</i> : 60CFU/mL	77	Tốt	- Ô nhiễm hữu cơ, không sử dụng nước trực tiếp cho nuôi trồng thủy sản

STT	ĐIỂM QUAN TRẮC	CHỈ TIÊU VƯỢT NGƯỠNG	WQI	CHẤT LƯỢNG NƯỚC	KHUYẾN CÁO
					- Cần diệt khuẩn để loại trừ mầm bệnh
11	Sông Đường chéo	DO thấp N-NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> , N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> cao <i>Vibrio parahaemolyticus</i> : 30CFU/mL	77	Tốt	- Ô nhiễm hữu cơ, không sử dụng nước trực tiếp cho nuôi trồng thủy sản - Cần diệt khuẩn để loại trừ mầm bệnh
12	Kênh sáng Độ Cường	DO thấp N-NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> , N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> , <i>Vibrio</i> tổng cao <i>Vibrio parahaemolyticus</i> : 90CFU/mL	66	Trung bình	- Ô nhiễm hữu cơ, không sử dụng nước trực tiếp cho nuôi trồng thủy sản - Cần diệt khuẩn để loại trừ mầm bệnh
13	Sông Thị Tường	DO thấp N-NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> , N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , <i>Vibrio</i> tổng cao <i>Vibrio parahaemolyticus</i> : 10CFU/mL	78	Tốt	- Ô nhiễm hữu cơ, không sử dụng nước trực tiếp cho nuôi trồng thủy sản - Cần diệt khuẩn để loại trừ mầm bệnh
14	Kênh Sáng Tân Hưng	DO thấp N-NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> , N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , <i>Vibrio</i> tổng cao <i>Vibrio parahaemolyticus</i> : 20CFU/mL	78	Tốt	- Ô nhiễm hữu cơ, không sử dụng nước trực tiếp cho nuôi trồng thủy sản - Cần diệt khuẩn để loại trừ mầm bệnh
15	Vũng Luông	N-NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> , <i>Vibrio</i> tổng, coliform cao <i>Vibrio parahaemolyticus</i> : 170CFU/mL	87	Tốt	- Cần diệt khuẩn để loại trừ mầm bệnh
16	Rạch Đường Tắc	N-NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> cao	87	Tốt	---
17	Rạch Cầu Ván	<i>Vibrio parahaemolyticus</i> : 30CFU/mL	96	Rất tốt	- Cần diệt khuẩn để loại trừ mầm bệnh

Ghi chú:

Chỉ số WQI được đánh giá theo Quyết định 1460/QĐ-TCMT của Tổng cục Môi trường ký ngày 12/11/2019. Trong đó các thông số được dùng để tính toán gồm pH, DO, COD, N-NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, N-NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, N-NO<sub>2</sub><sup>-</sup>, P-PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>, coliform.

Bảng: Các mức độ đánh giá chất lượng nước theo chỉ số WQI

Giá trị WQI	Mức đánh giá chất lượng nước	Giá trị WQI	Mức đánh giá chất lượng nước
91 - 100	Rất tốt	26 - 50	Xấu
76 - 90	Tốt	10 - 25	Kém
51 - 75	Trung bình	<10	Ô nhiễm rất nặng

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Tổng cục Thủy sản
- Sở NN&PTNT và Chi cục Thủy sản Bến Tre
- Sở NN&PTNT và Chi cục Thủy sản Trà Vinh
- Sở NN&PTNT và Chi cục Thủy sản Bạc Liêu

- Sở NN&PTNT và Chi cục Thủy sản Cà Mau
- Sở NN&PTNT và Chi cục Thủy sản Sóc Trăng
- Các Doanh nghiệp

LÊ HỒNG PHƯỚC